

MỘT SỐ HỌC THUYẾT VỀ THẨM QUYỀN DÂN SỰ SƠ THẨM CỦA TÒA ÁN THEO LÃNH THỔ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM TRONG VIỆC HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

CHU ĐĂNG CHUNG*

Tóm tắt: Thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ là một vấn đề vô cùng quan trọng nhằm xác định chính xác Tòa án nào có thẩm quyền giải quyết một vụ việc dân sự nhất định. Trong đó, việc xây dựng quy định về loại thẩm quyền này cần phải dựa trên các tiêu chí nhất định và đặc biệt là các học thuyết pháp lý để tìm ra những tiêu chí phù hợp đối với thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ. Bài viết này sẽ phân tích một số học thuyết pháp lý tiêu biểu như Học thuyết “Công bằng thủ tục”, học thuyết “Actor Sequitur Forum Rei”, học thuyết về tài sản, học thuyết “Forum non Conveniens”, học thuyết “Tự do ý chí” và từ đó chỉ ra bài học kinh nghiệm cho việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ.

Từ khóa: Thẩm quyền; dân sự; sơ thẩm; lãnh thổ; học thuyết

Ngày nhận bài: 24/12/2024; Biên tập xong: 17/01/2025; Duyệt đăng: 24/3/2025

LEGAL DOCTRINES OF THE FIRST-INSTANCE CIVIL JURISDICTION OF COURTS BY TERRITORY AND EXPERIENCES FOR IMPROVING VIETNAMESE LAW

Abstract: The first-instance civil jurisdiction of courts by territory is an extremely important issue to determine exactly which court has the jurisdiction to resolve a certain civil case. In particular, the development of regulations on this type of jurisdiction needs to be based on specific criteria and especially legal doctrines to figure out appropriate criteria for the first-instance civil jurisdiction of courts by territory. This article will analyze some typical legal doctrines such as the “Procedural Justice” doctrine, the “Actor Sequitur Forum Rei” doctrine, the property-based doctrine, the “Forum non Conveniens” doctrine, the “Will Freedom” doctrine; thereby, provide experiences to complete Vietnam law on the first-instance civil jurisdiction of courts by territory.

Keywords: Jurisdiction; civil; first-instance; territory; doctrine

Received: Dec 24th, 2024; **Editing completed:** Jan 17th, 2025; **Accepted for publication:** Mar 24th, 2025

1. Học thuyết về công bằng thủ tục

Việc xác định thẩm quyền của một Tòa án trong một vụ việc dân sự có thể được giải thích dựa trên học thuyết về công bằng thủ tục. Khái niệm công bằng, theo ý tưởng của Aristotle, được chia thành hai loại, đó là “công bằng phân phối” (distributive justice) và “công bằng phục hồi” (corrective justice). Trong đó, công bằng phân phối được hiểu là sự phân phối các thành quả hoặc nguồn lực trong số các thành viên của một tổ chức xã hội dựa trên lợi ích và hy sinh của họ, trong khi công bằng phục hồi có liên quan tới việc khôi phục lại sự công bằng khi sự bất công bằng xảy ra¹. Dựa trên những gì được phát triển bởi Aristotle, khái niệm

công bằng thủ tục được xác định là các thủ tục mà các tổ chức trong xã hội (bao gồm cả chính phủ, tổ chức tư nhân và hộ gia đình) áp đặt các yêu cầu về công bằng phân phối và công bằng phục hồi vào một trường hợp cụ thể nào đó. Áp dụng trong thời kỳ hiện đại, công bằng thủ tục được hiểu là có liên quan tới các phương thức xét xử, nơi mà các quy phạm pháp luật được sử dụng².

Trong hệ thống pháp luật dân sự, các thủ tục thực thi pháp luật về xét xử tại Tòa án được dựa trên những quy định của tố tụng dân sự và cấu thành về mặt hệ thống tạo nên các yếu

¹ J.A. Smith dan W.D. Ross (Eds), *The Works of Aristotle*, Vol. V, Oxford University Press, Oxford: 1949, tr. 1131b25-1132b20.

* Email: Luatsuchudangchung@gmail.com

Thạc sĩ, Phó trưởng Khoa Pháp luật dân sự và Kiểm sát dân sự, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

² Lawrence B. Solum, “Procedural Justice”, *Southern California Law Review*, No.1 (78)/2004, tr. 238.

tổ như thẩm quyền, bào chữa, phản tố, bằng chứng, bản án và các biện pháp khắc phục. Nghĩa vụ của Tòa án trong việc tuân thủ các quy định pháp luật là một trong những yêu cầu quan trọng nhằm đạt được thẩm quyền hợp pháp, nếu không có thẩm quyền hợp pháp thì toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc đều trở nên vô hiệu về mặt pháp lý. Mặt khác, học thuyết công bằng thủ tục cũng đưa ra góc nhìn rằng hoạt động xét xử phải bao gồm cả sự tham gia của các đương sự trong quá trình thực thi pháp luật. Với sự tham gia này, các đương sự bị ràng buộc bởi phán quyết của Tòa án và sẽ tuân thủ một cách tự nguyện. Nói cách khác, thẩm quyền của Tòa án là một loại quyền lực phải được tiếp cận bởi các đương sự nhằm cho phép các bên tham gia vào quá trình xét xử.

Khi thẩm quyền này được tiếp cận đối với các đương sự, điều này giúp cho họ đưa ra các luận điểm và củng cố chúng trong quá trình xét xử đối với vụ việc của họ. Điều này, ngược lại, cũng cung cấp cho các thẩm phán đầy đủ các thông tin chi tiết về vụ việc đang xét xử, từ đó đưa ra những quyết định hợp lý và tăng cường tính chính xác của những phán quyết về vấn đề cần giải quyết. Từ đó, ba khía cạnh của công bằng thủ tục đạt được thông qua sự tham gia của các bên: *Một là*, cung cấp sự công bằng cho các bên được thể hiện quan điểm và chứng minh quan điểm thông qua hoạt động xét xử; *Hai là*, dựa trên các lập luận và bằng chứng các bên đưa ra, thẩm phán có thể ra quyết định chính xác về một vấn đề cụ thể; *Ba là*, với sự tham gia của đương sự và tính chính xác cao của những phán quyết, điều này tạo ra một sự ràng buộc hợp pháp các bên và yêu cầu họ phải tuân thủ các nghĩa vụ³.

2. Học thuyết “Actor Sequitur Forum Rei”

Đây là một học thuyết có nguồn gốc từ thời kỳ La Mã cổ đại và cho đến nay, được sử dụng làm nền tảng nhằm xác định thẩm quyền tương đối của nhiều Tòa án dân sự tại các quốc gia theo hệ thống dân luật như

Cộng hòa Liên bang Đức, Hà Lan hay Pháp. Học thuyết này sử dụng chỗ ở hay nơi cư trú của bị đơn là một địa điểm nhằm xác định Tòa án có thẩm quyền giám sát và xét xử một vụ án dân sự. Việc sử dụng nơi cư trú trong trường hợp này được dựa trên một quan niệm pháp lý cho rằng đây là địa điểm mà một chủ thể (có thể là cá nhân hoặc thể nhân) luôn có mặt để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, dù trên thực tế, chủ thể đó có thể vắng mặt hay không xuất hiện tại địa điểm này.

Sự có mặt của bị đơn trong phạm vi thẩm quyền của Tòa án là một yếu tố quan trọng nhằm xác định Tòa án có thẩm quyền này đối với bị đơn hay không. Điều này cũng được áp dụng ở cả các quốc gia theo hệ thống thông luật với những tiêu chí và tiêu chuẩn khác biệt. Trong khi các Tòa án tại những quốc gia dân luật sử dụng chỗ ở, nơi cư trú là nguồn tham khảo, hệ thống thông luật lại áp dụng nguyên tắc sự hiện diện về mặt vật lý của đương sự mới là cơ sở để xác định thẩm quyền. Về mặt truyền thống, các Tòa án tại Anh đã áp dụng nguyên tắc cụ thể rằng bất kỳ người nào cũng có thể gửi đơn lên Tòa án nhằm tuyên bố thẩm quyền trong một vụ việc chống lại một bị đơn đang hiện diện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án đó, ngay cả khi bị đơn chỉ đi ngang qua nơi đó chứ không có ý định ở hay cư trú lâu dài tại đây. Trong trường hợp này, không nhất thiết nguyên đơn hay bị đơn phải có mối liên hệ cụ thể gì với lãnh thổ của nước Anh mà chỉ cần bị đơn đang thực sự có mặt tại địa điểm trong phạm vi thẩm quyền đó là đủ để áp đặt thẩm quyền này lên bị đơn⁴.

Yếu tố về địa điểm cư trú của bị đơn trong học thuyết “Actor Sequitur Forum Rei” thật ra bắt nguồn từ lý thuyết về quyền lực (Power Theory). Ban đầu, yếu tố về thẩm quyền xét xử được nảy sinh từ thời kỳ phong kiến với bối cảnh mối quan hệ giữa các lãnh chúa và những người dân. Trong mối quan hệ này,

³ Tom R. Tyler, “Procedural Justice, Legitimacy and the Effective Rule of Law”, *Crime and Justice*, Vol. 30/2003, tr. 283.

⁴ John O'Brien, “Conflict of Laws”, *Cavendish Publishing*, London: 1999, tr. 181-182.

những người dân cam kết sự trung thành với lãnh chúa và đổi lại, họ nhận được sự bảo vệ và đối xử công bằng từ các lãnh chúa. Sau này, khi các lãnh chúa hợp lại và hình thành nên chế độ quân chủ chuyên chế dẫn đầu bởi nhà vua, thẩm quyền của nhà nước bắt đầu được tạo ra từ lý thuyết về quyền lực nhằm duy trì và bảo đảm trật tự, an ninh xã hội⁵. Như vậy, áp dụng từ lý thuyết về quyền lực, học thuyết “*Actor Sequitur Forum Rei*” đặt sự cư trú của bị đơn trong phạm vi lãnh thổ của một quốc gia đồng nghĩa với áp đặt quyền lực của quốc gia đó lên bị đơn. Thông qua việc khởi kiện một vụ án dân sự ra một Tòa án của quốc gia đó, nguyên đơn có thể tìm cách buộc quyền lực này được thực thi trên một bị đơn hoặc trên tài sản của họ. Đây là loại thẩm quyền mà nguyên đơn luôn có khả năng áp đặt trong bất kỳ trường hợp nào mà bị đơn không thể trốn tránh nếu vụ án dân sự đã được khởi kiện tại Tòa án nơi mà họ cư trú.

Ở khía cạnh khác, học thuyết “*Actor Sequitur Forum Rei*” cũng đồng thời mang ý nghĩa bảo vệ cho chính bị đơn khi yêu cầu nguyên đơn phải đến Tòa án nơi mà bị đơn cư trú. Trong khi đối với bị đơn thì học thuyết này cho phép họ trở nên quen thuộc hơn với địa điểm này, tức là có hiểu biết tốt hơn về luật pháp, truyền thống sử dụng tại địa phương đó. Đồng thời, điều này cũng giúp bị đơn giảm thiểu các chi phí đi lại khi họ không phải tham dự một phiên tòa bên ngoài nơi cư trú của họ.

3. Học thuyết về tài sản (Property-based doctrine)

Bên cạnh các loại thẩm quyền dựa trên nơi cư trú của bị đơn hoặc các hành vi của bị đơn tại một địa điểm nào đó, một vài hệ thống pháp luật còn sử dụng thẩm quyền dựa trên việc tài sản đang nằm tại một địa điểm nhất định. Lúc này, một Tòa án có thể có thẩm quyền hợp pháp giải quyết các tranh chấp liên quan đến một tài sản hữu hình hoặc vô hình đang nằm

trong ranh giới hành chính tại khu vực đó, cho dù thẩm quyền đối với bị đơn có thể không bao giờ được thiết lập. Thẩm quyền dựa trên học thuyết về tài sản có thể được chia thành hai trường hợp, bao gồm thẩm quyền được thiết lập chung dựa trên sự xuất hiện đơn thuần về mặt vật lý của tài sản tại một địa điểm, và thẩm quyền riêng biệt đối với địa điểm mà tại đó một tài sản được tiến hành bắt giữ.

Đối với trường hợp thứ nhất, thẩm quyền thiết lập dựa trên sự xuất hiện đơn thuần về mặt vật lý của tài sản có nguồn gốc xuất phát từ truyền thống thẩm quyền của Cộng hòa Liên bang Đức (còn được gọi là *forum patrimonii*). Theo đó, thẩm quyền này được hình thành chỉ cần có sự tồn tại của một tài sản của bị đơn tại Đức mà không quan tâm đến việc liệu tài sản có liên quan gì đến vụ việc hay là đối tượng của tranh chấp hay không, kể cả giá trị của tài sản cũng không quan trọng, loại thẩm quyền này cũng được áp dụng đối với tất cả mọi chủ thể, bất kể có đang cư trú tại Đức hoặc không. Trong trường hợp thứ hai, thẩm quyền đối với tài sản chỉ được thiết lập khi có sự bắt giữ tài sản của bị đơn. Thẩm quyền này có thể được áp dụng đối với cả các Tòa án đã đưa ra lệnh bắt giữ hoặc Tòa án nơi tài sản bị bắt giữ. Tại Thụy Sĩ, thẩm quyền này được gọi là *forum sequestri*, tại Hà Lan được gọi là *forum arresti*, trong khi ở Hoa Kỳ thì có tên là *quasi in rem*.

Tại những quốc gia này, thẩm quyền dựa trên tài sản chỉ mang tính chất thứ cấp, có nghĩa là chỉ được áp dụng trong trường hợp việc xác định nơi cư trú của bị đơn không dẫn tới một Tòa án phù hợp. Lúc này, nguyên đơn có thể tiến hành khởi kiện bị đơn tại Tòa án nơi có chứa tài sản của bị đơn. Tuy nhiên, các quy định của pháp luật Đức cũng giải thích rõ ràng nguyên tắc này chỉ được áp dụng trong trường hợp bị đơn đang không cư trú tại Đức. Tức là, mục tiêu chủ yếu của *forum patrimonii* vẫn là bảo đảm quyền tiếp cận công lý đối với hệ thống Tòa án cho nguyên đơn khi bị đơn không có mặt tại đất nước này. Ý nghĩa này cũng được áp dụng tương tự như tại Thụy Sĩ (*forum sequestri* chỉ được sử dụng khi không

⁵ Milana Karayanidi, *Rethinking Judicial Jurisdiction in Private International Law: Party Autonomy, Categorical Equality and Sovereignty*, Hart Publishing, Oxford: 2020, tr. 164.

có quy định khác ghi nhận thẩm quyền đối với các Tòa án Thụy Sĩ) và Hà Lan (*forum arresti* chỉ được xem là giải pháp cuối cùng và áp dụng trong hoàn cảnh mà nguyên đơn không có khả năng tiếp cận với Tòa án khác có thẩm quyền trong phạm vi quốc gia này).

4. Học thuyết “*Forum non conveniens*”

Học thuyết “*Forum non conveniens*” được chính thức ghi nhận như là một phần của các quy định về thẩm quyền vào năm 1947 bởi quyết định của Tòa án tối cao Hoa Kỳ trong các vụ việc giữa *Gulf Oil Corp v. Gilbert* và *Koster v. Lumbermens’ Mutual Casualty Co.* Sau 35 năm, Tòa án tối cao tiếp tục áp dụng học thuyết trong các tranh chấp quốc tế với vụ việc điển hình *Piper Aircraft Co v. Reyno*. Theo đó, nội dung học thuyết có thể được hiểu là thẩm quyền đối với bị đơn không cấu thành nên nghĩa vụ của Tòa án trong hoạt động giải quyết vụ việc; ngược lại, Tòa án có quyền tùy ý từ chối giải quyết vụ việc trên cơ sở nhận định rằng có một Tòa án khác có vị thế thuận lợi hơn để giải quyết vụ việc này⁶.

Để có thể từ chối vụ việc nhằm trao vụ việc đó cho một Tòa án có vị thế thuận lợi hơn, học thuyết này yêu cầu phải chứng minh sự tồn tại thực tế của một Tòa án như vậy và đáp ứng các tiêu chí kiểm tra về tính thuận lợi. Điều này có nghĩa là dù Tòa án được các bên lựa chọn giải quyết vụ việc có sự bất lợi đến đâu, nhưng nếu không có một Tòa án khác phù hợp hơn thì Tòa án được lựa chọn không thể từ chối thẩm quyền này. Bên cạnh đó, các tiêu chí kiểm tra về sự thuận lợi cũng sẽ được đưa ra dựa trên từng trường hợp, từng vụ việc cụ thể.

Trong vụ việc giữa *Gulf Oil Corp. v. Gilbert*, Tòa án tối cao Hoa Kỳ đã làm rõ sự khác biệt trong việc lựa chọn các lợi ích tư hay lợi ích công cộng để kiểm tra sự thuận lợi của học thuyết. Theo đó, các yếu tố thuộc về lợi ích tư liên quan đến lợi ích của các đương sự trong việc tham gia tranh tụng tại một Tòa án cụ thể và bao gồm (1) tính dễ dàng tương đối trong việc tiếp cận các nguồn chứng cứ; (2) khả năng

xem xét đối với bất động sản, nếu sự xem xét đó phù hợp với vụ việc; (3) các vấn đề thực tế khác giúp cho hoạt động xét xử vụ việc trở nên dễ dàng, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí. Còn các yếu tố thuộc về lợi ích công cộng lại nhấn mạnh vào các khía cạnh về mặt thủ tục của bang nơi có Tòa án giải quyết, ví dụ như (1) các khó khăn về mặt hành chính khi các vụ việc bị dồn về tại một số địa điểm thay vì được giải quyết ngay tại nơi xảy ra tranh chấp; (2) trách nhiệm của bồi thẩm đoàn không nên bị áp đặt lên các chủ thể thuộc về một địa phương mà không có mối liên hệ gì với vụ việc; (3) sự phù hợp của việc xét xử vụ việc tại Tòa án tại bang có trách nhiệm giải quyết vụ việc thay vì để cho Tòa án tại một nơi khác giải quyết trong khi có những xung đột về mặt pháp luật⁷. Còn với vụ việc giữa *Sinochem Intern Co. Ltd v. Malaysia Intern Shipping Corp*, một sự từ chối bởi Tòa án đã được đưa ra dựa trên đánh giá của Tòa án về hàng loạt các yếu tố, trong đó chủ yếu nhắc đến sự thuận tiện đối với các đương sự và các khó khăn thực tế trong việc tham dự xét xử vụ việc tại một địa phương nhất định⁸.

5. Học thuyết “*Tự do ý chí*”

Xuất phát từ thời kỳ La Mã cổ đại và sau này được phát triển bởi rất nhiều học giả nổi tiếng như Descartes, Hobbes, Spinoza, Locke, Edwards..., học thuyết “*Tự do ý chí*” được xem là một trong những học thuyết quan trọng bậc nhất đối với hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật dân sự nói riêng. Theo quan niệm truyền thống đến từ chủ nghĩa tự do cổ điển, tự do ý chí được xem là một loại quyền lực nhằm kiểm soát lựa chọn và hành động của một chủ thể nhất định. Nói cách khác, một cá nhân có đầy đủ lý trí và năng lực để làm chủ bản thân và quyết định tất cả các hành vi của mình, do đó cá nhân được hoàn toàn tự do

⁷ *Gulf Oil Corp. v. Gilbert*, 330 U.S. 501, tr. 508 (1947); Nuyts, *L’exception de forum non conveniens*, tr. 171; D. Boyce, “Foreign Plaintiffs and Forum Non Conveniens: Going Beyond Reyno”, 64 *Texas Law Review* (1985), 193-223, tr. 215.

⁸ *Sinochem Intern. Co. Ltd. v. Malaysia Intern. Shipping Corp.*, 127 S.Ct. 1184, tr. 1190 (2007); Citing *American Dredging*, 510 U.S., fn. 2, tr. 449; Alexander, *In the Absence of an Alternative Forum*, tr. 1003-1004.

⁶ 2nd Restatement of Conflict of Laws, § 84, comment g.

trong mọi hành động, miễn là hành động của cá nhân này không làm tổn hại đến cá nhân khác⁹. Từ đó, những cá nhân này sẽ đưa ra các thỏa thuận công khai hoặc ngầm định để hình thành nên các cơ quan lập pháp, hành pháp và từ đó là nguồn gốc của sự ra đời của quyền lực nhà nước¹⁰.

Phạm vi của học thuyết “*Tự do ý chí*” là tương đối rộng khi có thể áp dụng cho cả khía cạnh nội dung cũng như hình thức của các quan hệ dân sự. Bên cạnh việc các chủ thể trong quan hệ dân sự có thể thỏa thuận về nội dung để từ đó phát sinh, thay đổi hay chấm dứt các quyền và nghĩa vụ dân sự thì ở góc độ tổ tụng, các chủ thể cũng có quyền đưa ra thỏa thuận liên quan đến cơ quan tài phán trong trường hợp xảy ra tranh chấp. Học thuyết “*Tự do ý chí*”, từ đó, còn là cơ sở cho việc xây dựng thẩm quyền của Tòa án dựa trên sự thỏa thuận của các đương sự. Cụ thể, các đương sự có quyền tự do thỏa thuận với nhau về Tòa án nào sẽ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa các bên khi có tranh chấp phát sinh. Đây là một học thuyết mang tính chất bao trùm lên toàn bộ tư tưởng và nội dung của pháp luật dân sự hiện đại nói chung khi thể hiện tính chất tự do thỏa thuận, tôn trọng ý chí của các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ pháp luật dân sự. Tuy nhiên, pháp luật cũng cần giới hạn hợp lý các trường hợp mà đương sự có thể thỏa thuận về Tòa án có thẩm quyền giải quyết khi đặt trong mối liên hệ với các ưu tiên khác cần thiết lập.

6. Đánh giá chung về một số học thuyết về thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ và bài học kinh nghiệm trong việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam

Như vậy, dựa trên một số học thuyết pháp lý có liên quan đến thẩm quyền dân sự

sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ đã phân tích ở trên, tác giả nhận thấy rằng mỗi học thuyết này đều có sự đóng góp nhất định trong việc hình thành các quy định của pháp luật hiện đại về thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ. Đối với các quy định pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành, những học thuyết này cũng được xem là cơ sở và nền tảng để từ đó xây dựng các tiêu chí, nhằm xác định thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án trong một trường hợp cụ thể thì Tòa án nào sẽ được lựa chọn để trao thẩm quyền giải quyết vụ việc.

Trong đó, học thuyết về “*Công bằng thủ tục*” đã tạo nên một góc nhìn quan trọng, đó chính là việc lựa chọn Tòa án phải xuất phát từ yếu tố tạo ra sự thuận lợi tối đa cho các đương sự trong việc tham gia vào hoạt động xét xử của Tòa án. Điều này không những giúp các đương sự có khả năng tự bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân mà đồng thời cũng giúp Tòa án nâng cao được hiệu quả xét xử của mình. Liên hệ với bối cảnh tại Việt Nam, một trong những nhiệm vụ mà Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 02/6/2005 về “chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” đặt ra là cần phải tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia tố tụng, bảo đảm sự bình đẳng giữa công dân và cơ quan công quyền trước Tòa án. Đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng vì chỉ khi người dân có sự thuận lợi trong việc tham gia các hoạt động tố tụng thì mới tạo ra sự công bằng trong việc tiếp cận các thủ tục tố tụng tại Tòa án nói riêng và các cơ quan tư pháp khác nói chung. Người dân khi tiến hành khởi kiện các vụ án dân sự hoặc yêu cầu về một việc dân sự nhất định là mong muốn các quyền và lợi ích hợp pháp của mình được bảo vệ cũng như giải quyết được vấn đề của bản thân. Vì thế, xác định thẩm quyền dân sự sơ thẩm của Tòa án theo lãnh thổ cũng phải dựa trên cơ sở này, làm sao để giúp cho các thủ tục tố tụng mà người dân phải thực hiện diễn ra một cách đơn giản, gọn nhẹ, không chông chéo giữa Tòa án các cấp. Đồng thời,

⁹ Nguyễn Tấn Hùng, “Chủ nghĩa tự do: Quá trình phát triển và ảnh hưởng của nó đối với thế giới hiện đại”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 6/2009.

¹⁰ James Gordon Clapp, “John Locke”, Paul Edwards (Ed.), *Op.Cit.*, p. 499-500; D.H. Monro, “Jeremy Bentham”, Edward N. Zalta (Ed.), *The Stanford Encyclopedia of Philosophy*, Spring 2020 Edition.

để thực hiện được các nhiệm vụ đã nêu ra, Nghị quyết cũng đưa ra một trong những giải pháp, đó là hoàn thành việc tăng thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp huyện. Điều này không những giúp giảm bớt gánh nặng về công việc cho hệ thống các Tòa án cấp cao hơn mà còn nâng cao vai trò, nhiệm vụ của các Tòa án cấp huyện và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi làm việc với Tòa án. Giải pháp này là hết sức cấp thiết vì có thể xem các Tòa án cấp huyện là những Tòa án gần với người dân nhất do tính chất về mặt hành chính địa phương. Hàng ngày, các vấn đề nảy sinh trong đời sống người dân là vô cùng lớn nên tiềm ẩn thường xuyên, liên tục nhiều loại tranh chấp nhất định hoặc các yêu cầu đối với việc dân sự. Khi đó, Tòa án nào càng gần những tranh chấp đó hoặc các vấn đề nảy sinh về mặt địa lý thì việc giải quyết, xét xử sẽ càng trở nên thuận tiện, nhanh chóng và dễ dàng hơn. Do vậy, tăng thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp huyện cũng chính là trao thêm quyền cho các Tòa án này, giúp những Tòa án đó có điều kiện giải quyết tốt hơn đối với các vụ việc dân sự tại địa phương.

Đối với học thuyết *"Actor Sequitur Forum Rei"*, học thuyết này nhấn mạnh vai trò của nơi cư trú, nơi hiện diện của bị đơn khi địa điểm này một mặt khiến cho bị đơn không thể trốn tránh khỏi việc tham gia phiên tòa tại nơi mình cư trú do sự áp đặt về lãnh thổ, nhưng đồng thời cũng bảo vệ cho bị đơn khi đây là địa điểm họ quen thuộc về pháp luật, văn hóa cũng như giúp tiết kiệm chi phí đi lại. Đối với quy định của pháp luật Việt Nam, học thuyết này cũng được thể hiện tại Điều 9 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: *"Bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự"*. Cụ thể, theo khoản 1, đương sự có quyền tự bảo vệ đối với các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Trong đó, có thể thấy rằng khi xét đến mối quan hệ giữa các bên trong một vụ án dân sự thì cần nhận thấy rằng bị đơn là đối tượng đang ở trong trạng thái bị động hơn so với bên còn lại là nguyên đơn. Lý do bởi vì nguyên

đơn là người chủ động tiến hành khởi kiện bị đơn ra tòa, do vậy bị đơn phần nào đó có thể coi là bên bất lợi hơn so với nguyên đơn. Khi xảy ra một sự chênh lệch về vị thế như vậy giữa các đương sự trong vụ án dân sự, các quy định pháp luật sẽ cần phải tạo ra sự cân bằng giữa các chủ thể bằng cách trao cho bên còn lại là bị đơn một lợi thế nào đó để thực hiện quyền tự bảo vệ trước cơ quan tài phán. Đây là yếu tố dẫn đến quy định về Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc hoặc đặt trụ sở được xem là Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp do Tòa án được đặt ngay tại nơi mà bị đơn thường xuyên hiện diện hoặc tiến hành những công việc hàng ngày. Do vậy, sự quen thuộc về yếu tố địa phương sẽ tạm trao cho bị đơn một chút lợi thế so với nguyên đơn khi họ có thể thuận tiện trong việc cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án tại đây và có thể dễ dàng xác minh các vấn đề này hơn so với những Tòa án ở nơi khác. Vì thế, nguyên tắc Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc hay đặt trụ sở được xem là cách mà các nhà làm luật thể hiện sự cân bằng về lợi ích giữa các đương sự, từ đó mang lại sự công bằng cho bị đơn, vốn được xem là bên bất lợi trong vụ việc dân sự.

Về mặt lý luận, học thuyết về tài sản lại đặt trọng tâm về thẩm quyền của Tòa án vào nơi mà tài sản đang xuất hiện về mặt vật lý hoặc nơi mà tài sản bị tiến hành bắt giữ hoặc chiếm hữu. Tuy vậy, ở một số quốc gia châu Âu thì thẩm quyền liên quan đến tài sản này lại ít quan trọng hơn so với thẩm quyền của Tòa án đối với nơi cư trú của bị đơn, và thường chỉ được áp dụng như là một dạng thẩm quyền cuối cùng khi không còn cách nào khác để xác định thẩm quyền của Tòa án. Học thuyết này vốn được xem là một cách thức biểu hiện cho địa điểm phát sinh sự kiện, do nơi có tài sản xuất hiện cũng chính là nơi phát sinh nguồn gốc hay các sự kiện nhất định gắn với tài sản đó. Xuất phát từ quan niệm cho rằng nơi phát sinh sự kiện là nơi khởi nguồn của vụ việc, hoặc cơ quan tài phán nơi sự kiện xảy ra có trách nhiệm và quyền hạn giải quyết vụ việc nhằm bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đồng thời, địa điểm phát sinh sự kiện cũng tạo điều kiện thuận lợi cho Tòa án trong quá trình thu thập, xác minh các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc đó. Vì vậy, khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã ghi nhận thẩm quyền của Tòa án nơi phát sinh sự kiện trong một số trường hợp cụ thể như Tòa án nơi tổ chức hành nghề công chứng đã thực hiện việc công chứng có trụ sở có thẩm quyền giải quyết yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; Tòa án nơi có tài sản có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận tài sản đó có trên lãnh thổ Việt Nam là vô chủ, công nhận quyền sở hữu của người đang quản lý đối với tài sản vô chủ trên lãnh thổ Việt Nam; Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng hàng không, sân bay mà tàu bay bị yêu cầu bắt giữ hạ cánh có thẩm quyền quyết định bắt giữ tàu bay; Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi có cảng biển, cảng thủy nội địa mà tàu biển bị yêu cầu bắt giữ đang hoạt động hàng hải có thẩm quyền quyết định bắt giữ tàu biển...

Ngoài ra, học thuyết "*Forum non conveniens*", vốn có nguồn gốc từ hệ thống pháp luật Common Law nói chung và Hoa Kỳ nói riêng, đã trao quyền từ chối thẩm quyền giải quyết một vụ việc cho một Tòa án nếu như xác định được có một Tòa án khác có vị thế thuận lợi hơn trong việc giải quyết vụ việc. Các tiêu chí nhằm xác định tính chất thuận lợi này cũng đóng vai trò rất quan trọng để xác định trong một trường hợp cụ thể thì việc lựa chọn Tòa án nào để trao thẩm quyền sẽ mang lại lợi ích tốt nhất, cả ở góc độ các lợi ích công và lợi ích tư. Cuối cùng, một học thuyết kinh điển về "*Tự do ý chí*", với nền tảng dựa trên sự tự do ý chí của các chủ thể hình thành nên quyền lực nhà nước, cũng được xem là cơ sở để tạo ra quyền tự do lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong một vụ việc nhất định. Đây cũng là căn cứ để pháp luật Việt Nam xây dựng nên quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ dựa trên sự thỏa thuận giữa các đương sự tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bản thân các đương sự có quyền thỏa thuận với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự. Đây là một nguyên tắc thể hiện tính chất đặc trưng của các quan hệ dân sự nói chung so với các quan hệ hành chính, hình sự. Nếu như các quan hệ hành chính, hình sự mang tính chất cứng nhắc, áp đặt ý chí của Nhà nước lên các chủ thể để phục vụ các lợi ích công thì các quan hệ dân sự lại thể hiện sự linh hoạt, mềm dẻo và cho phép các chủ thể được bày tỏ ý chí một cách rõ rệt hơn, miễn là ý chí đó không xâm phạm đến các lợi ích công cộng, lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước hoặc lợi ích của người thứ ba. Việc các chủ thể thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền xét xử, giải quyết vụ việc cũng vậy. Sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật hay trái đạo đức xã hội thì không có lý do gì pháp luật lại không trao điều đó cho các chủ thể để tự ra quyết định. Nói cách khác, sự thỏa thuận của các đương sự về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ cần được pháp luật tôn trọng và ghi nhận trong các quy định pháp luật./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. J.A. Smith dan W.D. Ross (Eds), *The Works of Aristotle*, Vol. V, Oxford University Press, Oxford: 1949;
2. Lawrence B. Solum, "Procedural Justice", *Southern California Law Review*, No.1 (78)/2004;
3. Tom R. Tyler, Procedural Justice, "Legitimacy and the Effective Rule of Law", *Crime and Justice*, Vol. 30/2003;
4. John O'Brien, *Conflict of Laws*, Cavendish Publishing, London, 1999;
5. Milana Karayanidi, *Rethinking Judicial Jurisdiction in Private International Law: Party Autonomy, Categorical Equality and Sovereignty*, Hart Publishing, Oxford, 2020;
6. James Gordon Clapp, "John Locke", Paul Edwards (Ed.), *Op.Cit.*; D.H. Monro, "Jeremy Bentham", Edward N. Zalta (Ed.), *The Stanford Encyclopedia of Philosophy*, Spring 2020 Edition;
7. Nguyễn Tấn Hùng, "Chủ nghĩa tự do: quá trình phát triển và ảnh hưởng của nó đối với thế giới hiện đại", *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 6/2009.